

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quốc Tiệp

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tôn Thành L, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2023 và tại đơn xin vắng mặt ngày 15/01/2024, nguyên đơn ông Tôn Thành L trình bày: Ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N xây dựng hôn nhân vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52 ngày 25/8/2008. Trong thời gian sống chung, ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N có hai người con chung là cháu Nguyễn Chúc L1, sinh ngày 13/4/2007 và cháu

Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 25/10/2010. Hiện đang sống chung với ông Tôn Thành L. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, giữa ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N thường xuyên phát mâu thuẫn, cãi vã với nhau do ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng. Nguyên nhân chính do bà Trần Thị N không quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên giữa ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông Tôn Thành L yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị N. Khi ly hôn về con chung ông Tôn Thành L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Chúc L1, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 25/10/2010 và ông Tôn Thành L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, ông Tôn Thành L không còn yêu cầu nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thành L thì bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bà Trần Thị N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Trần Thị N không đến Tòa án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của bà Trần Thị N đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thành L. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Tôn Thành L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tôn Thành L đối với bà Trần Thị N. Về con chung, giao cháu Nguyễn Chúc L1, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh

ngày 25/10/2010 cho ông Tôn Thành L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Bà Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Tôn Thành L không có yêu cầu; Bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, ông Tôn Thành L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Tôn Thành L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bà Trần Thị N và hiện nay bà Trần Thị N cư trú tại ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị N đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bà Trần Thị N, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị N vẫn vắng mặt không có lý do, còn ông Tôn Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N.

[2] Về nội dung: Ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52 ngày 25/8/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Tôn Thành L, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Tôn Thành L yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị N do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không có biện pháp gì hàn gắn. Trong khi đó, mặc dù biết rõ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đang thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông Tôn Thành L đối với bà Trần Thị N và bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng bà Trần Thị N có thái độ bỏ mặc, không thể hiện thiện chí và mong muốn được hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N với ông Tôn Thành L. Từ đó, có căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tôn Thành L đối với bà Trần Thị N, cho ông Tôn Thành L được ly hôn bà Trần Thị N.

[4] Về con chung, Sau khi ly hôn, ông Tôn Thành L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P đến tuổi trưởng thành và ông Tôn Thành L không yêu

cầu bà Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 07/12/2023 của cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P thì cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P có nguyện vọng được sống với cha là ông Tôn Thành L, khi ông Tôn Thành L và bà Trần Thị N ly hôn. Hiện tại, cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P đang sống chung với ông Tôn Thành L. Do đó, không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P nên cần thiết giao cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P cho ông Tôn Thành L nuôi dưỡng và đúng theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông Tôn Thành L, giao cháu Nguyễn Chúc L1 và cháu Nguyễn Thị Diễm P cho ông Tôn Thành L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Tôn Thành L không yêu cầu bà Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tôn Thành L xác định không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông Tôn Thành L phải nộp 300.000 đồng; ông Tôn Thành L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010376 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tôn Thành L đối với bà Trần Thị N. Cho ly hôn giữa ông Tôn Thành L với bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chúc L1, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Nguyễn Thị Diễm P, sinh ngày 25/10/2010 cho ông Tôn Thành L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Tôn Thành L không yêu cầu bà Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông Tôn Thành L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Tôn Thành L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010376 ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Gia Hòa 2;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn